Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-03 17:09:07 +07:00

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1119/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chiến lược tài chính đến năm 2030

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2026/QH16 ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số";

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược tài chính đến năm 2030.

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a, b, c và đ khoản 3 mục I Điều 1 như sau:

"3. Mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể

a) Đảm bảo nguồn lực tài chính ngân sách góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng.

- Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 bình quân không thấp hơn 16% GDP và giai đoạn 2026 - 2030 đạt 18% GDP. Trong đó, tỷ lệ huy động từ thuế, phí giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 13 - 14% GDP và giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 14 - 15% GDP.

- Tỷ trọng thu nội địa trong tổng thu ngân sách nhà nước đến năm 2025 khoảng 85 - 86%, bình quân giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 87 - 88%.

b) Quản lý chi ngân sách nhà nước hiệu quả; tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng bền vững; ưu tiên chi đầu tư phát triển và đảm bảo nguồn lực cho chi trả nợ, tăng cường nguồn lực ngân sách nhà nước cho dự trữ quốc gia, tăng chi đầu tư phát triển con người và bảo đảm an sinh xã hội.

- Giai đoạn 2021 - 2025, tỷ trọng chi thường xuyên trong tổng chi ngân sách nhà nước bình quân khoảng 62 - 63%, tỷ trọng chi đầu tư phát triển trong tổng chi ngân sách nhà nước bình quân khoảng 28%. Trong tổ chức thực hiện, phấn đấu tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển đạt khoảng 29%, giảm tỷ trọng chi thường xuyên xuống khoảng 60%. Giai đoạn 2026 - 2030, tỷ trọng chi đầu tư phát triển bình quân khoảng 40% tổng chi ngân sách nhà nước; tỷ trọng chi thường xuyên bình quân khoảng 51 - 52% tổng chi ngân sách nhà nước.

- Giai đoạn 2021 - 2030, ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước để tăng cường tiềm lực dự trữ quốc gia, phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước để sẵn sàng ứng phó nhanh, hiệu quả trong các tình huống đột xuất, cấp bách và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

c) Giảm dần bội chi ngân sách nhà nước; quản lý nợ công chặt chẽ, đảm bảo an toàn nợ công và an ninh tài chính quốc gia.

- Phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi, giảm bội chi ngân sách nhà nước để đạt được chỉ tiêu bội chi ngân sách trong Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công giai đoạn 5 năm 2021 - 2025 bình quân khoảng 3,7% GDP; đến năm 2030 khoảng 5% GDP (bao gồm bội chi ngân sách trung ương khoảng 4,4% GDP, bội chi ngân sách địa phương bình quân khoảng 0,6% GDP). Trường hợp có biến động, rủi ro lớn, Bộ Tài chính kịp thời báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

Trong giai đoạn 2021 - 2025, trần nợ công hàng năm không quá 60% GDP, nợ Chính phủ không quá 50% GDP, nợ nước ngoài của quốc gia không quá 50% GDP. Đến năm 2030, nợ công không quá 60% GDP, nợ Chính phủ không quá 50% GDP, nợ nước ngoài của quốc gia không quá 50% GDP.

đ) Đẩy nhanh việc đổi mới cơ chế tài chính đối với lĩnh vực sự nghiệp công lập; thực hiện tái cấu trúc và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước

- Hoàn thiện thể chế về đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và tổ chức lại hệ thống đơn vị sự nghiệp công lập; hoàn thành lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công đối với một số lĩnh vực cơ bản. Giai đoạn 2021 - 2025, giảm bình quân 10% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2016 - 2020. Giai đoạn 2026 - 2030, giảm bình quân 15% chi trực tiếp từ ngân sách nhà nước cho đơn vị sự nghiệp công lập so với giai đoạn 2021 - 2025. Tiếp tục xã hội hoá mạnh mẽ cung cấp các dịch vụ công; tiếp tục tinh gọn đầu mối, phấn đấu chỉ còn các đơn vị sự nghiệp công lập phục vụ nhiệm vụ chính trị, quản lý nhà nước và cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu.

- Đến năm 2025, hoàn thành nhiệm vụ sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước. Đến năm 2030, phấn đấu có 50 doanh nghiệp nhà nước vào nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á và từ 1 - 3 doanh nghiệp nhà nước vào nhóm 500 doanh nghiệp lớn nhất thế giới; xây dựng một số tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp nhà nước mạnh, có quy mô lớn, công nghệ hiện đại, có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế, giữ vai trò tiên phong, dẫn dắt các doanh nghiệp trong nước tham gia sâu vào một số chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu, đặc biệt trong các lĩnh vực then chốt, chiến lược của nền kinh tế; 100% doanh nghiệp nhà nước thực hiện quản trị doanh nghiệp hiện đại trên nền tảng số; 100% tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước áp dụng nguyên tắc quản trị của OECD".

2. Bổ sung khoản 1 và khoản 2 tại mục III của Điều 1 các giải pháp nhằm thực hiện mục tiêu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân cho giai đoạn 2026 - 2030 từ 10%/năm trở lên như sau:

"**III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH ĐẾN NĂM 2030**

1. Hoàn thiện thể chế phát triển; xóa bỏ các rào cản, điểm nghẽn để giải phóng sức sản xuất và khơi thông mọi nguồn lực; thực hiện cuộc cách mạng về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh

- Xây dựng và hoàn thiện thể chế, pháp luật phù hợp để xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính. Nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Khẩn trương tháo gỡ căn bản các rào cản, điểm nghẽn về thể chế, cơ chế, chính sách. Tập trung rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến phát triển nền kinh tế số (nhất là công nghệ tài chính, tài sản số, trí tuệ nhân tạo, thương mại điện tử, các ngành công nghệ mới…), đầu tư kinh doanh… góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; chuẩn hoá, số hoá toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục trên môi trường số, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan; rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp. Phấn đấu môi trường đầu tư của Việt Nam vào nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN và nhóm 30 quốc gia hàng đầu thế giới vào năm 2028.

- Nghiên cứu, đề xuất cơ chế đặc thù để xử lý tài sản công là nhà, đất dôi dư (nếu cần thiết), không để hư hỏng, xuống cấp, lãng phí.

- Phát triển kinh tế nhà nước hiệu quả, thật sự giữ vai trò chủ đạo trong việc bảo đảm ổn định vĩ mô, các cân đối lớn, định hướng chiến lược và dẫn dắt nền kinh tế. Triển khai Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2026 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06 tháng 01 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước. Đổi mới kinh tế nhà nước, trọng tâm là quản trị doanh nghiệp nhà nước theo các chuẩn mực quốc tế, tăng cường hiệu quả và vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp nhà nước trong một số lĩnh vực quan trọng; tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, bảo đảm hiệu quả, không làm thất thoát, lãng phí.

- Phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân; triển khai đồng bộ, thực chất, hiệu quả các chính sách tại Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ về Kế hoạch hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân và các nghị quyết, chương trình hành động về phát triển kinh tế tư nhân, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; tập trung đẩy mạnh các nhiệm vụ, giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận nguồn lực tài chính, tín dụng cho kinh tế tư nhân.

- Hỗ trợ tích cực và tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và các loại hình kinh tế khác.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng khoa học - công nghệ, phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, nông nghiệp hữu cơ, thích ứng biến đổi khí hậu, chuyển đổi số, mở rộng thị trường cho kinh tế tập thể, hợp tác xã.

Xây dựng, triển khai Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Thu hút có chọn lọc các dự án đầu tư nước ngoài; đổi mới chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng chuyển từ trọng tâm ưu đãi thuế sang các chính sách ưu đãi khác, áp dụng ưu đãi sau - ưu đãi theo kết quả; chú trọng thúc đẩy chuyển giao công nghệ, kết nối giữa khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài với khu vực trong nước; đầu tư hiệu quả ra nước ngoài.

- Khẩn trương hoàn thiện, ban hành và thực thi hệ thống pháp luật về quy hoạch, lấy quy hoạch làm công cụ chủ yếu để huy động và phân bổ nguồn lực hiệu quả theo các tín hiệu của thị trường. Xây dựng, vận hành Cổng một cửa đầu tư quốc gia và địa phương trên cơ sở số hóa toàn bộ quy trình thủ tục đầu tư, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Rà soát, khẩn trương hoàn thiện hành lang pháp lý; xây dựng mới các cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội để huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực phát triển các mô hình kinh tế mới; phát triển các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế, đặc khu kinh tế, đặc khu công nghệ, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế, trung tâm dữ liệu quốc gia; đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, điện hạt nhân, điện mặt trời, điện gió ngoài khơi...

2. Bảo đảm các yếu tố nền tảng cho tăng trưởng "2 con số" giai đoạn 2026 - 2030 và tiếp tục tăng trưởng nhanh, bền vững đến năm 2045

- Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, linh hoạt giữa chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác để thực hiện mục tiêu tăng trưởng "2 con số" gắn với kiểm soát lạm phát, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; chủ động ứng phó hiệu quả với những biến động bên ngoài, kiên quyết không để xảy ra khủng hoảng kinh tế trong mọi tình huống; phát huy cao nhất các nguồn nội lực, bám sát mục tiêu tăng trưởng "2 con số".

- Xây dựng chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm hỗ trợ mạnh mẽ cho mục tiêu tăng trưởng "2 con số" trong giai đoạn tới. Xây dựng hệ thống thuế hiện đại, minh bạch, vừa thúc đẩy tăng trưởng vừa bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lợi nhuận sau thuế của khu vực doanh nghiệp nhà nước, vừa thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế nhà nước, vừa không ảnh hưởng lớn tới nguồn thu của ngân sách nhà nước.

Đối với chính sách đặc thù tài chính - ngân sách của địa phương, tập trung khai thác các nguồn thu mới; không ban hành các cơ chế, chính sách, quy định đặc thù về miễn, giảm, ưu đãi thuế cao hơn quy định của pháp luật về thuế, pháp luật khác về thu ngân sách nhà nước. Không quy định phân cấp nguồn thu ngân sách nhà nước, để lại nguồn thu ngân sách trung ương khác với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Kết luận số 93-KL/TW của Bộ Chính trị (trừ trường hợp theo chủ trương của cấp có thẩm quyền).

- Quản lý, điều hành ngân sách nhà nước hiệu lực, hiệu quả, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, nâng cao chất lượng nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, tăng tính bền vững của nền tài chính quốc gia. Thực hiện tăng thu, tăng cường quản lý, chống thất thu, chuyển giá, gian lận thương mại. Triệt để tiết kiệm chi để đảm bảo nguồn lực thúc đẩy các động lực tăng trưởng kinh tế, ưu tiên bố trí nguồn lực cho chi đầu tư phát triển, các nhiệm vụ quan trọng về an ninh, quốc phòng, an sinh xã hội, thực hiện các Nghị quyết chiến lược của Bộ Chính trị, chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Bố trí chi ngân sách nhà nước để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm hiệu quả, khả thi, không trùng lặp giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia, không trùng lặp với các chương trình, dự án, chính sách, chế độ, nhiệm vụ chi khác, phù hợp với tiến độ thực hiện, khả năng giải ngân và cân đối ngân sách nhà nước; thực hiện phân cấp, phân quyền để tạo sự chủ động, linh hoạt cho các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của từng Chương trình.

Tận dụng tối đa công năng sử dụng các trụ sở làm việc hiện có; hạn chế tối đa việc xây dựng trụ sở, trung tâm hành chính mới tại các tỉnh, thành phố; các bộ, ngành, cơ quan, địa phương chịu trách nhiệm về sự cần thiết khi quyết định, bảo đảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, không để ảnh hưởng đến các mục tiêu quan trọng khác, chống lãng phí, tiêu cực.

- Xây dựng mức bội chi ngân sách nhà nước hằng năm bảo đảm trong phạm vi mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030 và theo nhu cầu, tiến độ giải ngân các nhiệm vụ đầu tư phát triển; thực hiện đánh giá hằng năm và giữa kỳ, kịp thời kiến nghị điều chỉnh mục tiêu khi có biến động lớn, bảo đảm khả thi và đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Thực hiện giải pháp dự phòng để bảo đảm an ninh, an toàn tài chính quốc gia trong phạm vi cân đối ngân sách nhà nước.

- Triển khai áp dụng hiệu quả Luật Quản lý nợ công, tăng cường quản lý rủi ro nợ công, nâng cao minh bạch trong huy động, sử dụng và báo cáo thông tin nợ công, phấn đấu đưa Việt Nam sớm trở thành quốc gia có xếp hạng tín nhiệm đầu tư. Chủ động điều hành linh hoạt về công cụ, hình thức vay, kỳ hạn vay, thời điểm vay và khối lượng vay trong năm, gắn với công tác quản lý ngân quỹ, góp phần giảm chi phí, giảm áp lực huy động vốn cho ngân sách nhà nước, đáp ứng nhu cầu huy động và dự phòng trong thời điểm thị trường không thuận lợi, bảo đảm an toàn nợ công, thanh khoản của thị trường trái phiếu Chính phủ.

- Kịp thời có giải pháp quản lý, điều tiết sản xuất, ổn định cung cầu, theo dõi và quản lý chặt chẽ giá cả các mặt hàng, nhất là hàng hóa thiết yếu; đồng thời chủ động điều hành giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý theo lộ trình phù hợp để hạn chế gia tăng kỳ vọng lạm phát.

- Nâng cao năng lực thống kê, chuẩn hóa hệ thống chỉ tiêu, số liệu thống kê. Tăng cường nâng cao hiệu quả công tác phân tích, dự báo tình hình trong và ngoài nước.

- Triển khai các giải pháp để nâng xếp hạng tín nhiệm quốc gia; ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để phát huy hiệu quả hoạt động của Trung tâm tài chính quốc tế, khu thương mại tự do trong việc thu hút các dòng vốn đầu tư gián tiếp, các quỹ đầu tư quốc tế; phát triển thị trường tín chỉ các-bon và các sản phẩm, dịch vụ tài chính hiện đại theo thông lệ quốc tế; điều chỉnh hạn mức bảo lãnh phát hành trái phiếu của ngân hàng chính sách xã hội. Mở rộng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các ngành nghề không ảnh hưởng đến an ninh quốc gia.

- Nâng cao hiệu quả thực thi, thực hiện các hiệp định thương mại, hiệp định thương mại tự do, cam kết, thỏa thuận hợp tác với các tổ chức, diễn đàn tài chính quốc tế và các cơ quan quản lý nhà nước về tài chính của các đối tác. Đẩy mạnh xuất khẩu, mở rộng thị trường mới, nhất là các quốc gia mới nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược và chiến lược toàn diện. Tăng cường chống gian lận xuất xứ hàng hóa để bảo vệ uy tín và vị thế của hàng hóa Việt Nam trên thị trường quốc tế.

- Tận dụng nguồn lực từ kiều hối, đầu tư của Việt kiều, hợp tác tài chính để kết nối nguồn vốn trí tuệ và tài chính của cộng đồng người Việt ở nước ngoài vào phát triển đất nước.

- Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, cơ chế ưu đãi quốc tế phục vụ chuyển đổi xanh, giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050."

3. Sửa số thứ tự các giải pháp tại Chiến lược tài chính đến năm 2030 như sau:

"3. Hoàn thiện chính sách huy động các nguồn lực tài chính quốc gia, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thu ngân sách nhà nước

4. Nâng cao hiệu quả phân bổ, quân lý và sử dụng các nguồn lực tài chính gắn với việc thúc đẩy quá trình tái cơ cấu kinh tế và phát triển bền vững

5. Quản lý chặt chẽ, hiệu quả bội chi ngân sách nhà nước, nợ công; cải thiện dư địa tài khóa, góp phần nâng cao khả năng chống chịu của nền tài chính quốc gia

6. Đổi mới cơ chế tài chính đối với khu vực sự nghiệp công lập

7. Đẩy mạnh việc cơ cấu lại và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; đổi mới quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp

8. Phát triển thị trường tài chính và dịch vụ tài chính đồng bộ, hiện đại, minh bạch và bền vững

9. Thực hiện nhất quán công tác quản lý, điều hành giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước

10. Tăng cường hiệu quả hợp tác tài chính và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính

11. Tăng cường năng lực, hiệu quả quản lý, giám sát tài chính; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

12. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, thiết lập nền tảng tài chính số; cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước

13. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và kiện toàn bộ máy ngành Tài chính hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả"

4. Sửa đổi điểm đ khoản 1 Điều 2 như sau:

"Điều 2. Trách nhiệm tổ chức, thực hiện Chiến lược

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

đ) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan cân đối, bố trí ngân sách nhà nước hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để thực hiện Chiến lược."

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Văn Thắng